TRƯỜNG TIỂU HỌC ÁI MỘ A

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI NĂM – KHỐI 4
Năm học 2021 – 2022

I. Tiếng Việt:

1. Tập đọc: Đọc và trả lời câu hỏi các bài tập đọc từ tuần 29 đến tuần 33.

2. Luyện từ và câu:

- Mở rộng vốn từ: Du lịch- Thám hiểm.
- Câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm.
- 3 kiểu câu kể: Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?
- Trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ

3. Tập làm văn: Miêu tả con vật.

II. Toán:

- Nhận biết khái niệm ban đầu về phân số, đọc viết phân số.
- Tính chất cơ bản của phân số; phân số bằng nhau; rút gọn phân số; quy đồng mẫu số, so sánh phân số; viết các phân số theo thứ tự từ lớn đến bé và ngược lại.
- Các phép tính về phân số, tìm một thành phần chưa biết trong phép tính với các phân số.
- Chuyển đổi, thực hiện phép tính với các đơn vị đo thời gian, độ dài, khối lượng, diện tích.
- Nhận biết hình bình hành, hình thoi và một số đặc điểm của nó; tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi.
- Tỉ lệ bản đồ.
- Giải toán: Tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó, tìm phân số của một số.

III. Khoa học:

- Bài 40: Bảo vệ bầu không khí trong sạch.
- Bài 49: Ánh sáng và việc bảo vệ đôi mắt.
- Bài 52: Vật dẫn nhiệt và vật cách nhiệt.
- Bài 58: Nhu cầu nước của thực vật.
- Bài 64: Trao đổi chất ở động vật.

IV. Lịch sử:

- Bài 18: Trường học thời Hậu Lê.
- Bài 26 : Những chính sách về kinh tế và văn hóa của vua Quang Trung.
- Bài 27: Nhà Nguyễn thành lập.

V. Địa lí:

- Bài 19: Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Nam Bộ.
- Bài 24: Dải đồng bằng duyên hải miền Trung.
- Bài 27: Thành phố Huế.

VI. Tiếng Anh:

*** Vocabulary and sentence patterns:** Từ Unit 11 – Đến hết Unit 19

Unit 11:

Vocabulary: get up, have breakfast, have dinner, go to bed

Sentence patterns: What time is it ? It's……..

What time do you ___? I ___ at ____.

Unit 12:

Vocabulary: father/farmer, mother/nurse, uncle/driver, brother/factory worker, doctor/in a hospital, farmer/in a field, worker/in a factory, clerk/in an office

Sentence patterns: What does your _____ do? He's/she's _____.

Where does a _____ work? A _____ works _____.

Unit 13

Vocabulary: food/beef, pork. Drink/ orange juice, water, bread, vegetables, rice, lemonade

Sentence patterns: What's your favourite _____? It's _____.

Would you like some _____? Yes, please./ No, thanks.

Unit 14:

Vocabulary: young/ old/ tall/ slim, big-bigger, tall-taller, small-smaller

Sentence patterns:

What does he look like? He's ___. What does she look like? She's ___.

Who's _____? _____ is _____.

Unit 15

Vocabulary: New year, Christmas, Children's day, Teachers'day, make Banh Chung, decorate the house…….

Sentence patterns: When is _____? It's on _____.

What do you do at Tet? I _____.

Unit 16:

Vocabulary: bakery/buy some bread, pharmacy/buy some medicine, supermarket/buy some foods, zoo/see the animals, cinema/see a film…….

Sentence patterns: Let's go to the _____. I want to _____. Great idea!

Sorry. I'm busy.

Why do you want to go to the _____? Because _____

Unit 17:

Vocabulary: skirt, jeans, blouse, T-shirt, sandals, jeans, trousers, jumper

Sentence patterns: How much is the ___? It's _____.

How much are the _____? They're _____.

Unit 18:

Vocabulary: Lily, Sally, Sam,go for a walk, go for a picnic, go fishing, go skating

Sentence patterns What's _____ 's phone number? It's _____

Would you like to _____? I'd love to. / Sorry, I can't.

Unit 19:

Vocabulary: tigers/crocodiles/scary,bears/elephants/big,zebras/beautiful, kangaroos/fast,…

Sentence patterns What animals do you want to see? I want to see _____.

I like _____ because _____. I don't like _____ because _____

*** Các dạng bài kiểm tra**

1. LISTENING

- Listen and choose the best answer to complete the sentence.
- Listen and choose the best answer.

2. PHONETICS

- Choose the word whose underlined part is pronounced differently.

3. VOCABULARY AND SENTENCE PATTERNS

- Choose the best option to complete the sentence.

4. READING

- Read the passage carefully. Choose the best option A, B, C or D.
- Read the text below and choose the correct answer A, B, C or D.

5. WRITING

- Complete the second sentence so that it has the same meaning as the given one.
- Write full sentences, using the suggested words and phrases given.

6. SPEAKING

- Listen and repeat.
- Interview.
- Talk about the pictures, etc.

VII. <u>Tin học</u>:

I. Chủ đề C. Microsoft Excel

1. Bài 1: Làm quen với dữ liệu trong trang tính

- Chèn/xóa dòng, cột trong Excel.

- Điều chỉnh kích thước: độ cao của dòng/ độ rộng của cột. Thay đổi căn lề ô trong bảng tính Excel.

- Di chuyển trong trang tính bằng bàn phím, Thanh cuộn, hộp thoại Goto (CTRL+G)

- Quản lý trang tính: Thêm, đổi tên, xóa trang tính, di chuyển, sao chép trang tính trong một sổ tính bằng các cách khác nhau.

2. Bài 2: Tớ biết quản lý dữ liệu

- Tạo công thức đơn giản trong Excel (Tính tổng, hiệu, nhân, chia, trung bình, …)

- Chèn biểu đồ trong Excel.

- Các thành phần của biểu đồ trong Excel: Tiêu đề biểu đồ, Tiêu đề trục, Giải thích chuỗi dữ liệu, Nhãn dữ liệu, Bảng dữ liệu, Các trục, Ô lưới.

- Lựa chọn loại biểu đồ; thay đổi bố cục biểu đồ trên các thành phần.

II. Chủ đề D. Microsoft PowerPoint

1. Bài 1: Tớ tạo bản trình chiếu rất dễ dàng

- PowerPoint là gì? Các kiểu bố cục Slide

- Quản lý các Slide: thêm Slide mới, xóa Slide, thay đổi bố cục Slide, sắp xếp lại các Slide bằng các cách khác nhau.

2. Bài 2: Bản trình chiếu của tớ thật hấp dẫn

- Các thao tác với văn bản: định dạng văn bản, căn lề văn bản, định dạng đoạn trên phần mềm PowerPoint bằng nhiều cách khác nhau.

- Tạo và sử dụng bảng, Định dạng bảng: Điều chỉnh độ rộng cột, chiều cao của dòng. Trộn, tách các ô. Thêm, thay đổi hoặc xóa đường viền của các ô được chọn, Thêm, thay đổi hoặc xóa bóng hay tô nền cho các ô được chọn trong PowerPoint.

- Tạo biểu đồ trong PowerPoint.

- Chèn và hiệu chỉnh bố cục ảnh hoặc ClipArt vào Slide.

- Thực hiện các thao tác tạo, định dạng các hình khối và hình vẽ trên slide.

- Chèn các đối tượng đa phương tiện (Video, âm thanh) vào Slide.

- Thực hiện thao tác tạo hoạt cảnh cho các đối tượng trên Slide.

----------o0o----------

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	GIÁO VIÊN BỘ MÔN	KHỐI TRƯỞNG CM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Tiếng Anh:	
TRƯỜNG TIỂU HỌC ÁI MỘ A		
Thái Thu Huyền	**Nguyễn Thị Thu Hiền**	**Phùng Thị Hoa Thơm**
	Tin học:	
	Nguyễn Thắng Thành	